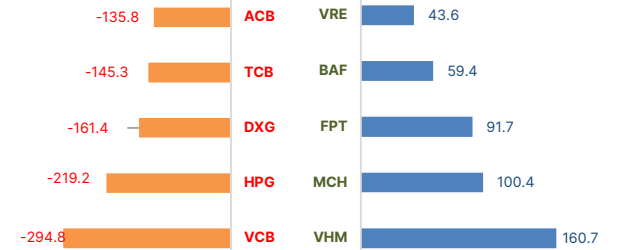


Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,853.08	↑ 1.14%	282.53	↓ -0.79%
KLGD (trCP)	1,023.11	↓ -65.3%	80.88	↓ -66.9%
GTGD (tỷ VND)	28,389.99	↓ -63.8%	1,330.19	↓ -67.8%

Top Giao dịch NDTNN HOSE (Tỷ đồng)

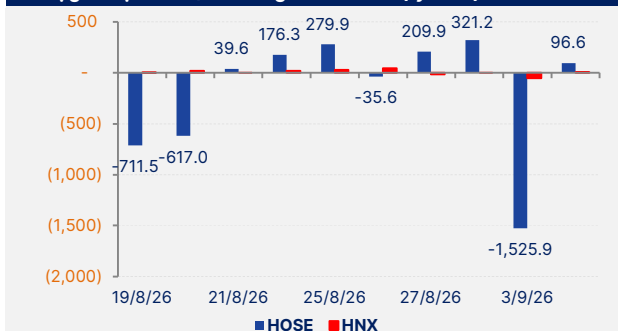


GT Bán: (12,355.86) 11,422.01 : GT Mua

Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua/bán ròng của NDTNN (tỷ VND)



Phân Tích Kỹ Thuật VN-INDEX



DIỄN BIẾN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

Sau kỳ nghỉ lễ, thị trường có 02 phiên cuối tuần với diễn biến khá tích cực. VNINDEX trong phiên đầu tháng 9 đã chịu áp lực điều chỉnh về vùng giá 1.800 điểm và phục hồi tốt. Phiên giao dịch cuối tuần VNINDEX tăng điểm tốt dưới ảnh hưởng tích cực của nhóm VinGroup, ngân hàng. Thị trường tích cực về điểm số, tuy nhiên thanh khoản suy giảm, phân hóa mạnh. Kết tuần VNINDEX tăng 1,14% lên mức 1.853,08 điểm, kiểm định hỗ trợ 1.800 điểm thành công, hướng đến vùng giá 1.900 điểm. VN30 kết tuần tăng nhẹ 0,10% lên mức 1.984,89 điểm, hướng đến kháng cự tâm lý 2.000 điểm.

Độ rộng thị trường trong tuần phân hóa mạnh. Tăng giá nổi bật ở nhóm bất động sản, phân bón, hóa chất, bảo hiểm... Trong khi chịu áp lực điều chỉnh ở nhóm cảng biển, cao su, công nghệ, viễn thông, khu công nghiệp, hàng không, thép, bán lẻ... Áp lực điều chỉnh tương đối bình thường. Thanh khoản giảm trong 02 phiên đầu tháng 9, với khối lượng giao dịch khấp lênh trên HOSE trung bình khoảng 510 triệu cổ phiếu/phiên, đạt 80% mức trung bình. Mức độ phân hóa cao, diễn biến tích cực chỉ tập trung ở số ít cổ phiếu. Khối ngoại vẫn bán ròng trong tuần này với giá trị -1.429 tỷ đồng trên HOSE.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn 411G9000 kết phiên ở mức 1.985,6 điểm, tăng 1,54% so với phiên trước. Chênh lệch chuyển sang dương 0,71 điểm so với VN30. Các kỳ hạn 411A000, 411GC000, 411H3000 chênh lệch từ -2,49 điểm đến 3,01 điểm. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch giảm -8,3% so với phiên trước. Các trader giảm các vị thế đầu cơ trong phiên, nghiêng về VN30 biến động hẹp. Xem xét phòng ngừa rủi ro cho thị trường cơ sở khi VN30 hướng đến kháng cự mạnh quanh 2.000 điểm. Xu hướng ngắn hạn 411G9000 tăng trưởng, vùng hỗ trợ 1.950 điểm, kháng cự 2.000 điểm. Khối lượng mở OI kỳ hạn 411G9000 là 25.661, giảm các vị thế nắm giữ.

Xu hướng ngắn hạn VNINDEX tăng trưởng trên vùng hỗ trợ 1.800 điểm. VNINDEX được kỳ vọng hướng đến vùng giá tiếp theo 1.880 điểm -1.900 điểm, tương ứng vùng đỉnh tháng 6/2026. Trong khi VN30 vượt lên kháng cự mạnh vùng giá trung bình 200 phiên và đang hướng đến vùng kháng cự rất mạnh 2.000 điểm - 2.025 điểm, tương ứng vùng đỉnh tháng 7/2026. Hiện tại chưa có dự báo VN30 có thể vượt được kháng cự mạnh 2000-2025.

Sau giai đoạn phục hồi, dưới ảnh hưởng tích cực của các cổ phiếu vốn hóa lớn với kỳ vọng nâng hạng, nền kinh tế tăng trưởng tốt... VNINDEX đang hướng đến vùng đỉnh cũ lịch sử quanh 1.900 điểm. Hiện tại ngoài nhóm Bất động sản, Ngân hàng, Năng lượng, Bảo hiểm vẫn đang duy trì xu hướng tăng trưởng. Các nhóm ngành còn lại xu hướng giá trung dài hạn vẫn trong quá trình điều chỉnh, tích lũy kéo dài, không có nhiều cơ hội đầu tư vượt trội. Tuy nhiên thị trường vẫn có nhiều doanh nghiệp chất lượng, tăng trưởng tốt có mức P/E, P/B thấp so với lịch sử, mức hợp lý để xem xét đầu tư. Nhà đầu tư có thể đánh giá, xem xét các cơ hội đầu tư, dựa trên triển vọng tăng trưởng của doanh nghiệp và nền kinh tế. Cũng như thị trường kỳ vọng sẽ đón nhận các dòng vốn đầu tư mới.

Nhà đầu tư duy trì tỉ trọng hợp lý. Mục tiêu đầu tư hướng tới các mã có nền tảng cơ bản tốt, đầu ngành trong các ngành chiến lược, tăng trưởng vượt trội của nền kinh tế.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỠI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng hỗ trợ tăng trưởng (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Giao dịch (GD)	FA Rank	TA Rank
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận			
PVD	19.20	18.5	21-23	17.5	16.0	23.7%	-32.2%	Theo dõi GD	55	64
DPM	22.80	21.5	26-27	20.0	8.7	31.8%	124.9%	Theo dõi GD	71	43
GAS	84.00	81.0	88-90	78.0	16.0	43.8%	23.4%	Theo dõi GD	78	64
FRT	142.70	141.0	146-150	137.0	22.4	37.2%	187.8%	Theo dõi GD	77	56
PLX	36.00	36.0	40-41	35.0	14.2	78.0%	105.6%	Theo dõi GD	59	29
PVP	18.15	17.5	20-21	17.0	5.8	29.8%	198.1%	Theo dõi GD	83	67
PHR	61.80	60.5	70-72	59.0	9.0	10.4%	300.3%	Theo dõi GD	87	50
DRI	14.19	13.5	16.5-17.5	12.8	4.6	113.6%	212.3%	Theo dõi GD	92	66
TCB	32.60	32.5	39-40	31.0	8.5	44.0%	17.7%	Theo dõi GD	82	54
BVH	65.40	63.0	72-74	60.0	14.6	0.4%	55.4%	Theo dõi GD	75	52

BẢNG ĐỊNH LƯỢNG TƯƠNG QUAN CÁC NHÓM NGÀNH

Xu Hướng \ Thông Số	Bất Động Sản	Cảng- Vận tải	Cao Su TN	Chứng Khoán	Công Nghệ- Viễn thông	Dầu Khí	Dệt May- Da Giày	Khu Công Nghiệp
Trung dài hạn	Tang Truong	Điều Chỉnh	Tích Luy	Suy Giảm	Suy Giảm	Tang Truong	Suy Giảm	Suy Giảm
Ngắn trung hạn	Tang Truong	Tang Truong	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Tang Truong	Tích Luy	Tích Luy
Dòng tiền trung hạn	Am_Tang	Duong_Tang	Am_Tang	Tích Luy	Tích Luy	Duong_Tang	Am_Tang	Am_Tang
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)	-190.4	-148.2	-168.3	-170.2	-207.6	-387.7	22.8	-165.8
Tương quan- VNINDEX	Tốt hơn-Mạnh hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Không đổi-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn
Cổ phiếu TOP	VPI	PHP	TRC	HCM	VGI	TLP	TET	PHR
	VIC	MVN	DRI	ORS	CTR	PVP	PTG	GVR
Xu Hướng \ Thông Số	Bảo Hiểm	Bán Lẻ	Thép	Thủy Sản	Xây Dựng- VLXD	Ngân Hàng	Phân Bón- Hóa Chất	Hàng Không
Trung dài hạn	Tang Truong	Suy Giảm	Suy Giảm	Suy Giảm	Suy Giảm	Tang Truong	Suy Giảm	Suy Giảm
Ngắn trung hạn	Tang Truong	Tang Truong	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Điều Chỉnh
Dòng tiền trung hạn	Am_Tang	Tích Luy	Am_Tang	Tích Luy	Am_Tang	Am_Giam	Tích Luy	Tích Luy
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)	-33.2	-169.4	-44.0	264.8	111.9	-212.1	-198.3	-11.5
Tương quan- VNINDEX	Tốt hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Không đổi-Kém hơn	Không đổi-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn
Cổ phiếu TOP	PRE	MCH	TVN	SEA	DHA	SSB	DHB	AST
	PGI	PET	POM	ANV	NTP	STB	DPM	SAS
Xu Hướng \ Thông Số	Điện	Nông Nghiệp	Dược	VNIndex	VN30	HNXIndex	UPCOM	% Ngành tăng
Trung dài hạn	Suy Giảm	Suy Giảm	Suy Giảm	Tang Truong	Tang Truong	Tích Luy	Tang Truong	30
Ngắn trung hạn	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Tang Truong	Tang Truong	Tích Luy	Tang Truong	35
Dòng tiền trung hạn	Tích Luy	Am_Tang	Am_Tang	Am_Tang	Am_Tang	Am_Giam	Tích Luy	9
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)	231.2	-12.8	210.2	-217.7	-228.8	102.7	-226.9	26
Tương quan- VNINDEX	Không đổi-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	65	Tốt hơn-Kém hơn	Không đổi-Kém hơn	Không đổi-Kém hơn	
Cổ phiếu TOP	TDB	SBT	DDN					
	TTA	NAF	DBM					

TIN NỔI BẬT

	Theo số liệu mới công bố của Cục Thống kê, CPI tháng 8 tăng 0,47% so với tháng trước, trong đó có 10 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giá tăng; 01 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giá giảm. CPI bình quân 8 tháng năm 2026 tăng 4,45% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng cao nhất với 6,71% (làm CPI chung tăng 1,52 điểm phần trăm); giao thông tăng 5,38% (làm CPI chung tăng 0,54 điểm phần trăm); hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,76% (làm CPI chung tăng 1,70 điểm phần trăm); hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,46% (làm CPI chung tăng 0,16 điểm phần trăm); đồ uống và thuốc lá tăng 3,67% (làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm); giáo dục tăng 3,42% (làm CPI chung tăng 0,2 điểm phần trăm); thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,79% (làm CPI chung tăng 0,14 điểm phần trăm); văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,71%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,03%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,08%; thông tin và truyền thông tăng 0,09%. Theo báo cáo của Cục Thống kê, trong tám tháng năm 2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 770,14 tỷ USD, tăng 28,7% so với cùng kỳ năm trước. Cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 20,46 tỷ USD.
CPI 8 tháng đầu năm 2026 tăng 4,45%, lạm phát cơ bản tăng 4,24% so với cùng kỳ năm trước	
8 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 770,14 tỷ USD	Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 8 đạt 54,79 tỷ USD, tăng 3,2% so với tháng trước. Tám tháng năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 374,84 tỷ USD, tăng 22,4% so với cùng kỳ năm trước. Khu vực kinh tế trong nước đạt 74,47 tỷ USD, tăng 7,4%, chiếm 19,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 300,37 tỷ USD, tăng 26,9%, chiếm 80,1%. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 8 đạt 54,91 tỷ USD, giảm 3,1% so với tháng trước. 8 tháng năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 395,3 tỷ USD, tăng 35,3% so với cùng kỳ năm trước.
Tuần 24-28/08: NHNN đảo chiều bơm ròng gần 54.900 tỷ đồng	NHNN bơm mới 86.346 tỷ đồng qua kênh OMO với kỳ hạn từ 14-91 ngày và lãi suất 4,5%/năm. Trong khi đó, khối lượng đáo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá đạt 31.453 tỷ đồng. Qua đó, nhà điều hành đảo chiều bơm ròng 54.893 tỷ đồng, kéo lượng OMO lưu hành trong hệ thống lên khoảng 92.182 tỷ đồng. Cập nhật đến ngày 04/09, lãi suất kỳ hạn qua đêm 5.65%/năm; kỳ hạn 1 tháng là 6,85%/năm; kỳ hạn 6 tháng là 8,10%/năm; kỳ hạn 9 tháng là 8,12%/năm. USD giảm co. Kết phiên 03/09, USD-Index (DXY) ghi nhận mức 99.00 điểm, giảm 0.16 điểm so với mức cuối tuần trước là 99.16 điểm. Chỉ số sản xuất công nghiệp ngành chế biến, chế tạo tháng 8 tăng 14,6% so cùng kỳ 2025; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,5%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 11,8%; ngành khai khoáng tăng 18,5%
8 tháng năm 2026, chỉ số IIP tăng 11,9% so với cùng kỳ năm trước	Tính chung 8 tháng năm 2026, IIP ngành chế biến, chế tạo tăng 12,5% (cùng kỳ năm 2025 tăng 10,0%), đóng góp 9,6 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành khai khoáng tăng 8,1% (cùng kỳ 2025 giảm 2,1%), đóng góp 1,3 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 10,1% (cùng kỳ 2025 tăng 5,0%), đóng góp 0,9 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,4% (cùng kỳ 2025 tăng 8,8%), đóng góp 0,1 điểm phần trăm.
S&P 500 tăng hai phiên liên tiếp khi lợi suất trái phiếu kho bạc hạ nhiệt	Kết phiên, S&P 500 tăng 1,06% lên 7.747,71 điểm, trong khi Nasdaq Composite tăng 1,4% lên 26.584.06 điểm. Chỉ số Dow Jones Industrial Average tăng 624,16 điểm, tương đương 1,18%, lên 53.686,11 điểm. Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm ở mức 4,77%, giảm sau khi Thống đốc Fed Christopher Waller cho biết ông "có xu hướng ủng hộ" việc giữ nguyên lãi suất, miễn là không xuất hiện bất ngờ trong các dữ liệu lạm phát sắp tới. Trong ngày 02/09, lợi suất này đã tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 11/2023

LỊCH SỰ KIỆN TUẦN TỚI (1)

Mã CK	Ngày thực hiện với Niêm yết Ngày GDKHQ với Cổ tức, thưởng, phát hành thêm & ĐHCD	Loại Sự Kiện
VPI	7/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1
HHN	7/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 500 đồng/CP
PMB	7/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1.000 đồng/CP
NJC	7/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1.500 đồng/CP
PLE	7/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1.000 đồng/CP
ITC	7/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:6
ITC	7/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 400 đồng/CP
PPY	7/9/2026	Giao dịch bổ sung - 4.682.810 CP
PVD	7/9/2026	Giao dịch bổ sung - 371.862.185 CP
SSB	7/9/2026	Giao dịch bổ sung - 5,000,000 CP
VNY	7/9/2026	Họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2026
PTB	8/9/2026	Trả cổ tức đợt 1/2026 bằng tiền, 1.000 đồng/CP
HAD	8/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1.200 đồng/CP
DNC	8/9/2026	Trả cổ tức đợt 1/2026 bằng tiền, 1.000 đồng/CP
BPC	8/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 300 đồng/CP
DIG	8/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:6
DP1	8/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 2.500 đồng/CP
VAV	8/9/2026	Trả cổ tức năm 2026 bằng tiền, 500 đồng/CP
CBI	8/9/2026	Họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2026
DNN	9/9/2026	Trả cổ tức đợt 1/2026 bằng tiền, 1.000 đồng/CP
PDN	9/9/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 2.000 đồng/CP
SHC	9/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 500 đồng/CP
BMI	9/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 500 đồng/CP
DVP	9/9/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 3.000 đồng/CP
HUB	9/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
HUB	9/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5
KAI	9/9/2026	Giao dịch lần đầu - 750.000.000 CP
HKT	9/9/2026	Giao dịch bổ sung - 27.200.000 CP
STK	9/9/2026	Giao dịch bổ sung - 14.011.890 CP
VHM	9/9/2026	Giao dịch bổ sung - 4.107.412.004 CP

LỊCH SỰ KIỆN TUẦN TỚI(2)

Mã CK	Ngày thực hiện với Niêm yết Ngày GDKHQ với Cổ tức, thưởng, phát hành thêm & ĐHCD	Loại Sự Kiện
VCG	9/9/2026	Giao dịch bổ sung - 51,.707.909 CP
DGT	9/9/2026	Họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2026
PGN	9/9/2026	Họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2026
ELC	10/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5
ELC	10/9/2026	Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:2
SVT	10/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1.000 đồng/CP
SBB	10/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 200 đồng/CP
VIB	10/9/2026	Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:95
TIP	10/9/2026	Trả cổ tức đợt 1/2026 bằng tiền, 1.200 đồng/CP
SAL	10/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 768 đồng/CP
VLW	10/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 2.500 đồng/CP
IST	10/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 2.950,25 đồng/CP
HTN	10/9/2026	Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 2:1
FUEPHVNS	10/9/2026	Giao dịch lần đầu - 26,600,000 CP
QTC	10/9/2026	Giao dịch bổ sung - 323,974 CP
TN1	10/9/2026	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2026
VLW	10/9/2026	Họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2026
LSS	10/9/2026	Họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026
CNG	10/9/2026	Họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2026
SDK	10/9/2026	Họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 lần 2
BXH	11/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 200 đồng/CP
SZC	11/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1.000 đồng/CP
GTX	11/9/2026	Giao dịch lần đầu - 35.000.000 CP
L18	11/9/2026	Giao dịch bổ sung - 57.174.652 CP
EIB	11/9/2026	Họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 lần 2
VLP	11/9/2026	Họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2026
PHR	11/9/2026	Họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2026
PHR	11/9/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1.400 đồng/CP
PHR	11/9/2026	Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:8

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Giám Đốc Trung tâm Phân Tích

Ngô Thế Hiển

Hien.nth@shs.com.vn

Trưởng BP Chiến lược Thị trường

Phan Tấn Nhật

Nhat.pt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Trung Tâm Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Số 43 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội

Tel: 84.24.38181888

Fax: 84.24.38181688

Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688.

Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị Xuân, P. Bến Thành, TP.HCM

Tel: 84.28.39151368

Fax: 84.28.39151369

Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số 06 Nguyễn Văn Linh, Phường Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Tel: 84.236.3525777

Fax: 84.236.3525779

Email: contact-dn@shs.com.vn